

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2025

## THÔNG BÁO

### **Bổ sung, điều chỉnh thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

Căn cứ thông báo số 1500/TB-DHSPKT ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM về thông tin tuyển sinh năm 2025 (Hình thức đào tạo: Đại học chính quy);

Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 05 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ;

Căn cứ công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Căn cứ công văn số 3573/BGDĐT-GDDH ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025;

Căn cứ công văn số 3653/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thông báo số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2025;

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ Đại học năm 2025 số 2388/ĐA-DHSPKT ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh ban hành thông báo bổ sung, điều chỉnh Thông tin tuyển sinh năm 2025 - Hình thức đào tạo: đại học chính quy được ban hành tại thông báo số 1500/TB-DHSPKT ngày 08 tháng 5 năm 2025, cụ thể như sau:

#### **1. Điều chỉnh thông tin địa chỉ các cơ sở đào tạo:**

- Cơ sở chính: Số 01 Võ Văn Ngân, P. Thủ Đức, TP. HCM.
- Cơ sở 2: Số 484 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú, TP.HCM.
- Cơ sở Phân hiệu tại P. Bình Phước: 899 QL14, P. Bình Phước, Đồng Nai.



## **2. Bổ sung quy tắc quy đổi điểm tương đương, ngưỡng đầu vào và điểm xét tuyển của các phương thức tuyển sinh**

### **2.1. Quy tắc quy đổi điểm tương đương hoặc điểm chuẩn tương đương giữa các phương thức và tổ hợp xét tuyển**

Quy đổi dùng hệ số quy đổi điểm tương đương theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được công bố trước ngày 23/7/2025.

### **2.2. Ngưỡng đầu vào:**

- Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo của Trường. Ngưỡng đầu vào quy đổi giữa các phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển được quy đổi tương đương theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được công bố trước ngày 23/7/2025.

- **Đối với ngành Sư phạm tiếng Anh và Sư phạm công nghệ:** thực hiện theo quyết định về xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Đối với ngành Luật:** thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BGDDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học. Theo đó, người học các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học phải đáp ứng các yêu cầu:

- + Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- + Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.
- + Điểm môn Toán và Văn hoặc Toán hoặc Văn trong các tổ hợp xét tuyển phải từ 06 (sáu) điểm trở lên.

- **Đối với Chương trình đào tạo Kỹ thuật Thiết kế vi mạch (thuộc ngành CNKT Điện tử - viễn thông):** thực hiện theo quyết định số 1314/QĐ-BGDDĐT ngày 13 tháng 05 năm 2025 Quyết định ban hành chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ. Theo đó, người học chương trình đào tạo này trình độ đại học phải đáp ứng các yêu cầu:

- + Phương thức xét tuyển bằng Điểm thi THPT và Học bạ: Môn Toán trong các tổ hợp xét phải từ 08 (tám) điểm trở lên, tổng các môn theo tổ hợp xét tuyển phải từ 24 điểm trở lên.
- + Phương thức xét tuyển bằng điểm Đánh giá năng lực 2025: môn toán trong bài thi ĐGNL của thí sinh đạt từ 240 điểm trở lên. Tổng điểm 3 môn Toán, Tư duy khoa học, tiếng Anh đạt từ 720 trở lên.



**3. Điều chỉnh phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường**

+ Đối với Học sinh giỏi (HSG) quốc gia môn Tin học: Xét tuyển tất cả các chương trình/ngành đào tạo.

+ Đối với chương trình/ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển theo các phương thức 2, 3, 4 thì điểm môn năng khiếu phải từ 6 điểm trở lên.

**4. Công bố mức điểm cộng ưu tiên cho mục 1,2,3 tại Bảng 3 – Thông tin tuyển sinh công bố ngày 08/5/2025**

**Điểm cộng của Trường áp dụng cho phương thức xét tuyển bằng Học bạ**

| STT | Điểm cộng dành cho tất cả các ngành         |                                 |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------|
|     | Loại Trường                                 | Điểm cộng ưu tiên<br>(thang 30) |
| 1   | Trường chuyên, năng khiếu                   | 1                               |
| 2   | Trường ưu tiên                              | 0.8                             |
| 3   | Trường ưu tiên xét tại phân hiệu Bình Phước | 0.8                             |

**5. Điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh**

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Chỉ tiêu cũ | Chỉ tiêu mới |
|----|--------------|-----------------------------------------------|-------------|--------------|
| 1  | 7510202V     | Công nghệ chế tạo máy *                       | 233         | 232          |
| 2  | 7520117V     | Kỹ thuật công nghiệp                          | 60          | 50           |
| 3  | 7580205V     | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông *     | 58          | 45           |
| 4  | 7580302V     | Quản lý xây dựng                              | 40          | 44           |
| 5  | 7840110V     | Quản lý và vận hành hạ tầng                   | 50          | 41           |
| 6  | 7140246V     | Sư phạm công nghệ                             | 30          | 20           |
| 7  | 7380101V     | Luật                                          | 148         | 143          |
| 8  | 7210403V     | Thiết kế đồ họa                               | 85          | 39           |
| 9  | 7810202V     | Quản trị NH và DV ăn uống                     | 59          | 52           |
| 10 | 7210404V     | Thiết kế thời trang                           | 60          | 40           |

## 6. Điều chỉnh tổ hợp xét tuyển

| TT | Mã xét tuyển    | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển                                          | Tổ hợp xét tuyển cũ<br>(In đậm là môn chính nhân hệ số 2)                                                 | Tổ hợp xét tuyển mới<br>(In đậm là môn chính nhân hệ số 2)                     | Ghi chú                            |
|----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1  | 7510302<br>KTVM | Chương trình đào tạo Kỹ thuật Thiết kế vi mạch (thuộc ngành CNKT Điện tử - viễn thông) | <b>Toán</b> – Văn – Lý;<br><b>Toán</b> – Lý – Anh;<br><b>Toán</b> – Lý – Hóa;<br><b>Toán</b> – Văn – Anh. | <b>Toán</b> – Văn – Lý;<br><b>Toán</b> – Lý – Anh;<br><b>Toán</b> – Lý – Hóa.  | Bỏ tổ hợp <b>Toán</b> – Văn – Anh. |
| 2  | 7510402A        | Công nghệ vật liệu                                                                     | <b>Toán</b> – Lý – Hóa;<br><b>Toán</b> – Lý – Anh;<br><b>Toán</b> – Hóa – Anh.                            | <b>Lý</b> – Toán – Hóa;<br><b>Lý</b> – Toán – Anh;<br><b>Hóa</b> – Toán – Anh. | Trùng chương trình tiếng Việt      |

## 7. Danh sách Trường THPT liên kết: Danh sách đính kèm thông báo.

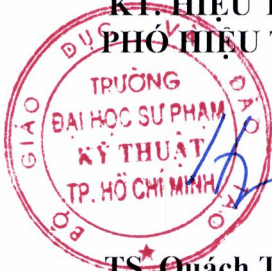
Trên đây là thông báo bổ sung, điều chỉnh thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Đăng website;
- Lưu VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Quách Thanh Hải



## DANH SÁCH TRƯỜNG LIÊN KẾT

(Đính kèm Thông báo số 2406/TB-ĐHSPKT ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM)

| TT | Tỉnh/thành phố    | Tên trường                 |
|----|-------------------|----------------------------|
| 1  | An Giang          | THPT Chu Văn An            |
| 2  | An Giang          | THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu |
| 3  | An Giang          | THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa |
| 4  | An Giang          | THPT Nguyễn Sinh Sắc       |
| 5  | An Giang          | THPT Tân Châu              |
| 6  | An Giang          | THPT Nguyễn Quang Diêu     |
| 7  | Bà Rịa - Vũng Tàu | THPT Chuyên Lê Quý Đôn     |
| 8  | Bà Rịa - Vũng Tàu | THPT Nguyễn Huệ            |
| 9  | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Hòa Bình              |
| 10 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Minh Đạm              |
| 11 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     |
| 12 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Phú Mỹ                |
| 13 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Trần Văn Quan         |
| 14 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Xuyên Mộc             |
| 15 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Trần Nguyên Hãn       |
| 16 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Vũng Tàu              |
| 17 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Đinh Tiên Hoàng       |
| 18 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Châu Thành            |
| 19 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Nguyễn Trãi           |
| 20 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Bà Rịa                |
| 21 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Võ Thị Sáu            |
| 22 | Bà Rịa-Vũng Tàu   | THPT Nguyễn Khuyến         |
| 23 | Bạc Liêu          | THPT Chuyên Bạc Liêu       |
| 24 | Bạc Liêu          | THPT Giá Rai               |
| 25 | Bến Tre           | THPT Chê-Ghêvara           |
| 26 | Bến Tre           | THPT Phan Thanh Giản       |
| 27 | Bến Tre           | THPT Nguyễn Đình Chiểu     |

|    |            |                        |
|----|------------|------------------------|
| 28 | Bến Tre    | THPT Phan Văn Trị      |
| 29 | Bến Tre    | THPT Đoàn Thị Điểm     |
| 30 | Bến Tre    | THPT Nguyễn Trãi       |
| 31 | Bến Tre    | THPT Chuyên Bến Tre    |
| 32 | Bến Tre    | THPT Trương Vĩnh Ký    |
| 33 | Bến Tre    | THPT Phan Liêm         |
| 34 | Bến Tre    | THPT Diệp Minh Châu    |
| 35 | Bến Tre    | THPT Trần Văn Ôn       |
| 36 | Bến Tre    | THPT Lê Quý Đôn        |
| 37 | Bến Tre    | THPT Lạc Long Quân     |
| 38 | Bến Tre    | THPT Huỳnh Tấn Phát    |
| 39 | Bến Tre    | THPT Mạc Đĩnh Chi      |
| 40 | Bình Định  | THPT Hùng Vương        |
| 41 | Bình Định  | THPT Số 1 Phù Mỹ       |
| 42 | Bình Định  | THPT Số 1 Phù Cát      |
| 43 | Bình Định  | THPT Số 3 Phù Cát      |
| 44 | Bình Định  | THPT Chuyên Chu Văn An |
| 45 | Bình Định  | THPT Chuyên Lê Quý Đôn |
| 46 | Bình Định  | Quốc Học Quy Nhơn      |
| 47 | Bình Định  | THPT Tây Sơn           |
| 48 | Bình Định  | THPT Số 3 An Nhơn      |
| 49 | Bình Định  | THPT Số 2 An Nhơn      |
| 50 | Bình Định  | THPT Nguyễn Diêu       |
| 51 | Bình Định  | THPT Số 2 Tuy Phước    |
| 52 | Bình Định  | THPT Số 3 Tuy Phước    |
| 53 | Bình Định  | THPT SỐ 1 AN NHƠN      |
| 54 | Bình Định  | THPT TRẦN CAO VÂN      |
| 55 | Bình Định  | THPT HOÀ BÌNH          |
| 56 | Bình Định  | THPT số 1 Tuy Phước    |
| 57 | Bình Định  | THPT NGUYỄN TRÂN       |
| 58 | Bình Định  | THPT số 2 Phù Cát      |
| 59 | Bình Dương | THPT Dĩ An             |

|    |            |                           |
|----|------------|---------------------------|
| 60 | Bình Dương | THPT Trịnh Hoài Đức       |
| 61 | Bình Dương | THPT Chuyên Hùng Vương    |
| 62 | Bình Dương | THPT Nguyễn Thị Minh Khai |
| 63 | Bình Dương | THPT Nguyễn An Ninh       |
| 64 | Bình Phước | THPT chuyên Bình Long     |
| 65 | Bình Phước | THPT Hùng Vương           |
| 66 | Bình Phước | THPT chuyên Quang Trung   |
| 67 | Bình Phước | THPT Đồng Xoài            |
| 68 | Bình Phước | THPT TX Phước Long        |
| 69 | Bình Phước | THPT Phước Bình           |
| 70 | Bình Phước | THPT TX Bình Long         |
| 71 | Bình Phước | THPT Bù Đăng              |
| 72 | Bình Phước | THPT Nguyễn Du            |
| 73 | Bình Phước | THPT Lê Quý Đôn           |
| 74 | Bình Phước | THPT Chơn Thành           |
| 75 | Bình Phước | THPT Nguyễn Khuyến        |
| 76 | Bình Phước | THPT Đồng Phú             |
| 77 | Bình Phước | PTDTNT THPT Bình Phước    |
| 78 | Bình Thuận | THPT Hùng Vương           |
| 79 | Bình Thuận | THPT Lý Thường Kiệt       |
| 80 | Bình Thuận | THPT Nguyễn Văn Trỗi      |
| 81 | Bình Thuận | THPT Quang Trung          |
| 82 | Bình Thuận | THPT Tánh Linh            |
| 83 | Bình Thuận | THPT Chuyên Trần Hưng Đạo |
| 84 | Bình Thuận | THPT Đức Linh             |
| 85 | Bình Thuận | THPT Tuy phong            |
| 86 | Bình Thuận | THPT Hòa Đa               |
| 87 | Bình Thuận | THPT Đức Tân              |
| 88 | Bình Thuận | THPT Hàm Thuận Bắc        |
| 89 | Bình Thuận | THPT Phan Bội Châu        |
| 90 | Bình Thuận | THPT Phan Chu Trinh       |
| 91 | Đắk Lắk    | THPT Cư M'Gar             |

|     |           |                               |
|-----|-----------|-------------------------------|
| 92  | Đắk Lắk   | THPT Thực hành Cao Nguyên     |
| 93  | Đắk Lắk   | THPT Nguyễn Huệ               |
| 94  | Đắk Lắk   | THPT Chuyên Nguyễn Du         |
| 95  | Đắk Lắk   | THCS&THPT Đông Du             |
| 96  | Đắk Lắk   | THPT Lê Quý Đôn               |
| 97  | Đắk Lắk   | THPT Chu Văn An               |
| 98  | Đắk Lắk   | THPT Lê Hữu Trác              |
| 99  | Đắk Lắk   | THPT Nguyễn Bình Khiêm        |
| 100 | Đắk Nông  | THPT Trần Hưng Đạo            |
| 101 | Đắk Nông  | THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh  |
| 102 | Đồng Nai  | THCS-THPT Ngọc Lâm            |
| 103 | Đồng Nai  | THPT Đoàn Kết                 |
| 104 | Đồng Nai  | THPT Nguyễn Hữu Cánh          |
| 105 | Đồng Nai  | THPT Nguyễn Trãi              |
| 106 | Đồng Nai  | THPT Xuân Lộc                 |
| 107 | Đồng Nai  | THPT Lê Quý Đôn               |
| 108 | Đồng Nai  | THPT Trần Biên                |
| 109 | Đồng Nai  | THPT Ngô Quyền                |
| 110 | Đồng Nai  | THPT Lê Hồng Phong            |
| 111 | Đồng Nai  | THPT Thống Nhất A             |
| 112 | Đồng Nai  | THPT Chuyên Lương Thế Vinh    |
| 113 | Đồng Nai  | THPT Phước Thiện              |
| 114 | Đồng Nai  | THPT Nhơn Trạch               |
| 115 | Đồng Nai  | THPT Vĩnh Cửu                 |
| 116 | Đồng Nai  | THPT Bùi Thị Xuân             |
| 117 | Đồng Nai  | THPT Tam Phước                |
| 118 | Đồng Tháp | THPT Cao Lãnh 2               |
| 119 | Đồng Tháp | THPT Tam Nông                 |
| 120 | Đồng Tháp | THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu |
| 121 | Đồng Tháp | THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu |
| 122 | Đồng Tháp | THCS&THPT Tân Thành           |
| 123 | Đồng Tháp | THCS&THPT Giồng Thị Đam       |

|     |            |                              |
|-----|------------|------------------------------|
| 124 | Đồng Tháp  | THPT Tân Hồng                |
| 125 | Đồng Tháp  | THPT TP. Sa Đéc              |
| 126 | Đồng Tháp  | THPT Lai Vung 1              |
| 127 | Đồng Tháp  | THPT Thống Linh              |
| 128 | Gia Lai    | THPT Pleiku                  |
| 129 | Gia Lai    | THPT Nguyễn Trãi             |
| 130 | Gia Lai    | THPT chuyên Hùng Vương       |
| 131 | Gia Lai    | THPT Phan Bội Châu           |
| 132 | Gia Lai    | THCS&THPT Y Đôn              |
| 133 | Gia Lai    | THPT Quang Trung             |
| 134 | Gia Lai    | THPT Trần Hưng Đạo           |
| 135 | Kon Tum    | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành |
| 136 | Kon Tum    | THPT Kon Tum                 |
| 137 | Kon Tum    | THPT Nguyễn Trãi             |
| 138 | Khánh Hoà  | THPT Ngô Gia Tự              |
| 139 | Khánh Hoà  | THPT Nguyễn Trãi             |
| 140 | Khánh Hoà  | THPT Phan Bội Châu           |
| 141 | Khánh Hoà  | THPT Tô Văn Ôn               |
| 142 | Khánh Hoà  | THPT Trần Bình Trọng         |
| 143 | Khánh Hoà  | THPT Trần Hưng Đạo           |
| 144 | Khánh Hoà  | THPT Lý Tự Trọng             |
| 145 | Kiên Giang | THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt    |
| 146 | Lâm Đồng   | THPT Di Linh                 |
| 147 | Lâm Đồng   | THPT Lê Hồng Phong - Di Linh |
| 148 | Lâm Đồng   | THPT Tân Hà - Lâm Hà         |
| 149 | Lâm Đồng   | THPT thị trấn Đạm Rì         |
| 150 | Lâm Đồng   | THPT Trần Phú                |
| 151 | Lâm Đồng   | THPT Bảo Lộc                 |
| 152 | Long An    | THPT Rạch Kiến               |
| 153 | Long An    | THPT Nguyễn Hữu Thọ          |
| 154 | Long An    | THPT Chuyên Trần Văn Giàu    |
| 155 | Long An    | THCS&THPT Lương Hòa          |

|     |            |                                  |
|-----|------------|----------------------------------|
| 156 | Long An    | THPT CẦN GIUỘC                   |
| 157 | Long An    | THPT Cần Đước                    |
| 158 | Long An    | THPT Tân Trụ                     |
| 159 | Long An    | THPT Tân An                      |
| 160 | Long An    | THPT Lê Quý Đôn                  |
| 161 | Long An    | THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức |
| 162 | Long An    | THPT Nguyễn Trung Trực           |
| 163 | Nghệ An    | THPT Đô Lương 1                  |
| 164 | Nghệ An    | THPT Đô Lương 2                  |
| 165 | Nghệ An    | THPT Đô Lương 3                  |
| 166 | Nghệ An    | THPT Đô Lương 4                  |
| 167 | Ninh Thuận | THPT chuyên Lê Quý Đôn           |
| 168 | Ninh Thuận | THPT Phan Bội Châu               |
| 169 | Ninh Thuận | THPT An Phước                    |
| 170 | Ninh Thuận | THPT Nguyễn Trãi                 |
| 171 | Phú Yên    | THPT Lê Hồng Phong               |
| 172 | Phú Yên    | THPT Lê Trung Kiên               |
| 173 | Phú Yên    | THPT Ngô Gia Tự                  |
| 174 | Phú Yên    | THPT Nguyễn Huệ                  |
| 175 | Phú Yên    | THPT Trần Quốc Tuấn              |
| 176 | Phú Yên    | THPT Chuyên Lương Văn Chánh      |
| 177 | Phú Yên    | THPT Lê Lợi                      |
| 178 | Phú Yên    | THPT Trần Phú                    |
| 179 | Phú Yên    | THPT Phan Đình Phùng             |
| 180 | Phú Yên    | THPT Phan Chu Trinh              |
| 181 | Phú Yên    | THPT Tôn Đức Thắng               |
| 182 | Phú Yên    | THPT Lê Thành Phương             |
| 183 | Phú Yên    | THPT Trần Suyền                  |
| 184 | Quảng Ngãi | THPT Trần Quốc Tuấn              |
| 185 | Quảng Ngãi | THPT chuyên Lê Khiết             |
| 186 | Quảng Ngãi | THPT Số 1 Đức Phổ                |
| 187 | Quảng Ngãi | THPT Bình Sơn                    |

|     |                 |                                  |
|-----|-----------------|----------------------------------|
| 188 | Quảng Ngãi      | THPT Trần Quang Diệu             |
| 189 | Quảng Ngãi      | THPT Số 1 Tư Nghĩa               |
| 190 | Quảng Ngãi      | THPT Võ Nguyên Giáp              |
| 191 | Quảng Ngãi      | THPT số 2 Mộ Đức                 |
| 192 | Quảng Ngãi      | THPT Phạm Văn Đồng               |
| 193 | Quảng Ngãi      | THPT Số 1 Nghĩa Hành             |
| 194 | Sóc Trăng       | THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai |
| 195 | Tây Ninh        | THPT chuyên Hoàng Lê Kha         |
| 196 | Tây Ninh        | THPT Lý Thường Kiệt              |
| 197 | Tây Ninh        | THPT Tây Ninh                    |
| 198 | Tây Ninh        | THPT Nguyễn Trãi                 |
| 199 | Tiền Giang      | THPT Chợ Gạo                     |
| 200 | Tiền Giang      | THPT Gò Công Đông                |
| 201 | Tiền Giang      | THPT Nguyễn Đình Chiểu           |
| 202 | Tiền Giang      | THPT Vĩnh Kim                    |
| 203 | Tiền Giang      | THPT Chuyên Tiền Giang           |
| 204 | Tiền Giang      | THPT Trương Định                 |
| 205 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Nguyễn Hữu Huân             |
| 206 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Phú Nhuận                   |
| 207 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Thủ Đức                     |
| 208 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Trần Hưng Đạo               |
| 209 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Võ Trường Toản              |
| 210 | TP. Hồ Chí Minh | THPT An Dương Vương              |
| 211 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Thành Nhân                  |
| 212 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Trưng Vương                 |
| 213 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Dương Văn Thi               |
| 214 | TP. Hồ Chí Minh | THCS&THPT Nguyễn Khuyến          |
| 215 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Nguyễn Huệ                  |
| 216 | TP. Hồ Chí Minh | THCS&THPT Nam Việt               |
| 217 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Nguyễn Thượng Hiền          |
| 218 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Linh Trung                  |
| 219 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Nguyễn Thái Bình            |

|     |                 |                                |
|-----|-----------------|--------------------------------|
| 220 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Phước Long                |
| 221 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Võ Thị Sáu                |
| 222 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Nguyễn Công Trứ           |
| 223 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Trần Phú                  |
| 224 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Hiệp Bình                 |
| 225 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Nguyễn Tất Thành          |
| 226 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Đào Sơn Tây               |
| 227 | TP. Hồ Chí Minh | THCS, THPT Hoa Sen             |
| 228 | TP. Hồ Chí Minh | THPT chuyên Lê Hồng Phong      |
| 229 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Bùi Thị Xuân              |
| 230 | TP. Hồ Chí Minh | THPT Gia Định                  |
| 231 | TP. Hồ Chí Minh | THCS-THPT Ngôi Sao             |
| 232 | Trà Vinh        | THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành |
| 233 | Trà Vinh        | THPT Duyên Hải                 |

Danh sách này có 233 trường./.

